TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2021/HS-PT
Ngày 30-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Trường;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường;

Bà Hoàng Thị Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Kim Dung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông An Viết Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2021/TLPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021 đối với:

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Thị H(Tên gọi khác: Không); sinh Ngày 30 tháng 01 năm 1981 tại tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKHKTT: Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Thanh B và bà Tạ Thị Y; chồng: Nguyễn Quốc Q; con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020, đến ngày 03/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo Bùi Thị Hđang tại ngoại theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/2021/HSST-QĐ ngày 01-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 11 năm 2018, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là mình có khả năng xin việc làm trong các cơ quan Nhà nước và xin chuyển vùng công tác và đã nhận hồ sơ và số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) của chị Sùng Thị Mvà chị Lương Thị Lđưa cho bị cáo để nhờ xin việc làm và xin chuyển vùng công tác. Sau khi nhận hồ sơ và tiền bị cáo không xin việc làm, xin chuyển vùng công tác theo cam kết mà sử dụng số tiền chiếm đoạt được vào mục đích chi tiêu cá nhân không trả tiền cho các bị hại cụ thể:

1. Lần thứ nhất: Khoảng tháng 12 năm 2017 chị Sùng Thị M, trú tại thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang được chị Hạng Thị M1(là cô chồng của M), giới thiệu là bị cáo có khả năng xin việc làm và cho số điện thoại của bị cáo để chị M liên lạc nhờ bị cáo xin cho đi làm giáo viên mầm non tại huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang, chị M có hỏi bị cáo để nhờ xin việc, bị cáo có nhận sẽ xin hộ chị M và nói với chị M là phải đưa cho bị cáo 200.000.000đ để xin việc. Ngày 21/12/2017, chị M đi cùng một người đàn ông đến nhà bị cáo, đưa cho bị cáo 01 bộ hồ sơ xin việc làm và số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), khi nhận tiền bị cáo có viết giấy biên nhận đưa cho chị M giữ. Đến tháng 01/2018 bị cáo bảo chị M đưa đủ số tiền thì mới xin được, nếu không sẽ có người khác tranh mất suất. Ngày 16/01/2018, chị M đi cùng người bạn nữ đến quán nước trong công viên cây xanh thành phố H đưa tiếp cho bị cáo số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), khi nhận tiền bị cáo tiếp tục viết giấy biên nhận đưa cho chị M giữ và cam kết đến tháng 4 năm 2018 sẽ xin được cho chị M vào biên chế giáo viên mầm non tại huyện Quản Bạ, nếu không xin được sẽ trả lại tiền. Sau đó bị cáo không xin việc làm cho chị M và tại thời điểm đó bị cáo gặp khó khăn về kinh tế, ốm đau không có tiền chữa bệnh nên bị cáo đã chi tiêu hết số tiền của chị M đưa cho bị cáo và không có khả năng trả lại số tiền cho chị M.

2. Lần thứ hai: Khoảng tháng 7 năm 2018, chị Lương Thị L(giáo viên trường PTDT nội trú huyện Đ), do có nhu cầu xin chuyển vùng công tác từ huyện Đ về thành phố H cho gần nhà, nên chị L đã được chị Nguyễn Thị Bình (là em chồng của bị cáo) giới thiệu bị cáo có khả năng xin chuyển vùng công tác và cho số điện thoại của bị cáo để chị L liên lạc. Chị L tự gọi điện cho bị cáo để hỏi nhờ bị cáo xin chuyển vùng công tác, bị cáo đã đưa ra thông tin với chị L là mình có quen biết nên có thể xin chuyển vùng công tác cho chị L từ huyện Đ về thành phố H với số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng chỉ cần đưa trước cho bị cáo số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), số còn lại khi nào có quyết định mới phải đưa. Ngày 06/8/2018 chị L đi cùng chồng là anh

H1 đem số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đến nhà đưa cho bị cáo. Sau khi nhận được tiền, bị cáo không xin được cho chị L chuyển vùng mà đã chi tiêu hết số tiền này.

Ngày 11/12/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang trưng cầu giám định số 153 yêu cầu giám định 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD715854, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tổ 3, phường Quang Trung, TP Hà Giang. Ký hiệu là A là thật hay giả.Tại bản kết luận giám định số 402/KL-PC09, ngày 16/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD715854 là giả.

Ngày 18/6/2020 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang trưng cầu giám định số 59, yêu cầu giám định file âm thanh trong mẫu cần giám định ký hiệu A3 có bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hay không; So sánh giọng nói nữ xưng "Chị" trong mẫu cần giám định ký hiệu A3 với giọng nói của bị cáo Bùi Thị Htrong mẫu só sánh ký hiệu M3 có phải của cùng một người nói ra hay không? Tại bản kết luận giám định số 3978/C09-P6, ngày 24/7/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: tiếng nói của người nói giọng nữ xưng "Chị" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của bị cáo Bùi Thị Htrong mẫu so sánh là của cùng một người nói.

Ngày 08/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã trưng cầu giám định số 69, Yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Htrên các giấy vay tiền, giấy nhận tiền các ngày 06/8/2018 kí hiệu A1, giấy vay tiền 200.000.000đ ký hiệu A2, giấy nhận tiền ngày 21/12/2017 ký hiệu A3, giấy nhận tiền ngày 16/1/2018 ký hiệu A4, so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Htrong các mẫu so sánh từ M1 đến M4 có phải do cùng một người viết và ký ra không?

Tại bản kết luận giám định số 217/KL-PC09, ngày 23/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Thị Hdưới mục người vay, người nhận tiền trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Htrên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang quyết định: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 - Bộ Luật hình sự; Điều 47 - Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Hphạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị H03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam trước từ ngày 20/3/2020 đến 03/8/2020.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 05/3/2021, bị cáo Bùi Thị Hcó đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.Tại phiên tòa, bị cáo Hằng vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa, sau khi phân tích về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2021/HSST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Bùi Thị Hcó đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp được cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thị Hthừa nhận hành vi phạm tội như sau: Trong thời gian từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 11 năm 2018,bị cáo bằng thủ đoạn gia dối đưa ra thông tin với các bị hại là mình có quan hệ quen biết với nhiều lãnh đạo của tỉnh Hà Giang nên có khả năng xin được việc làm trong các cơ quan nhà nước và xin chuyển vùng công tác, nếu đồng ý xin việc làm , xin chuyển vùng công tác thì đưa hồ sơ và tiền cho bị cáo để bị cáo xin cho và cam kết trong thời gian ngắn sẽ xin được việc làm, chuyển vùng công tác, nếu không xin được thì bị cáo sẽ trả lại tiền . Bị cáo đã nhận hồ sơ và tiền xin việc , chuyển vùng tác của 02 người bị hại là chị Sùng Thị Mvà chị Lương Thị L, chiếm đoạt số tiền là 250.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng) để tiêu sài vào mục đích cá nhân.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại Lương Thị L(BL 186 đến bút lục số 191); lời khai của bị hại Sùng Thị M(BL 220 đến BL 227); Kết luận giám định số 402/KL-PC09 (BL 72); kết luận giám định số 217/KL-PC09 (BL 84) của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà

Giang; kết luận giám định số 3978/C09-P6 (BL số 90)của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội , đúng pháp luật, không oan. Sau khi xét xử bị không kháng cáo về tội danh và điều luật áp dụng.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị Hlà nguy hiểm cho xã hội; xâm hại trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi gian dối, đưa ra thông tin là mình có khả năng xin được việc làm hoặc chuyển vùng công tác để chiếm đoạt tài sản của người khác, vì mục đích tư lợi bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi pham tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo còn xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo và gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại là chị Lương Thị L và chị Sùng Thị M; cả 02 bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b; s khoản 1; khỏa 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đến mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo với mức án 03 năm tù là đã thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

[9] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo xét thấy: Tại giai đoạn phúc thẩm cả 02 bị hại có đơn đề nghị xin cho bị cáo được hưởng án treo và bị cáo cung cấp giấy xác nhận ông nội chồng của bị cáo là cán bộ tiền khởi nghĩa, có công với cách mạng được chủ tịch Nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì, bản thân chồng bị cáo được chủ tịch Nước tặng huy

chương, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được cấp sơ thẩm áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

[10] Theo nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo tại khoản 5 Điều 3 Quy định những trường hợp không cho hưởng án treo:

"... 5. Người phạm tội nhiều lần, trừ trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi."

[11] Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 bị hại, bị cáo phạm tội 02 lần đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần nên theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP nêu trên thì bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hằng cho rằng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nhận của chị L là tiền vay cá nhân không phải tiền xin việc. Bị cáo đã gọi và nhắn tin cho anh chị L H1 để trả lại tiền vay nhưng không nghe máy, không trả lời. Bị cáo cung cấp cho tòa án cấp phúc thẩm 02 tin nhắn vào ngày 18/12/2019 và ngày 27/12/2019 nội dung tin nhắn là trả lại số tiền bị cáo vay 50.000.000đ. Xét thấy nội dung tin nhắn được thực hiện sau khi anh Hầu Minh H1 (chồng chị L) có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo trước cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hà Giang vào ngày 02/12/2019. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[13] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[14] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo là không có căn cứ, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HSST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[15] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[16] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Thị Hphải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự ; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H, giữ nguyên bản án số 05/2021/HSST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b; s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Hphạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".
- Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị H03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam trước từ ngày 20/3/2020 đến 03/8/2020.
- Án phí: Buộc bị cáo Bùi Thị Hphải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.
- Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường **Hoàng Thị Vân** **Hoàng Đức Trường**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV 06; PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố;
- TAND thành phố;
- CQTHA Hình sự ;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Trường

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hoàng Đức Trường

Nguyễn Mạnh Cường **Hoàng Thị Vân**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV 06; PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố;
- TAND thành phố;
- CQTHA Hình sự ;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đước Trường